

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2022

*V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình và nuôi con chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Thống và bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 766/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2021 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 2002 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số 138 t12, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Doãn Anh T, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: T4, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Doãn Anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng kí kết hôn tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17 tháng 11 năm 2020.

Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Doãn Anh K, sinh ngày 25/11/2020.

Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ngoại tình, tôi đã tha thứ nhưng anh T vẫn kiếm cớ gây gổ và có hành vi bạo lực đối với tôi. Đến nay, tôi không còn tình cảm với anh T nữa vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn anh Nguyễn Doãn Anh T để hòa giải theo quy định nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tuy nhiên Tòa án vi phạm về thời gian giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng P là có căn cứ vì vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: xử cho chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Doãn Anh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Doãn Anh K, sinh ngày 25/11/2020 cho chị Nguyễn Thị Hồng P nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng P, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Doãn Anh T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị P và bị đơn anh T.

[3] *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào lời trình bày của chị P và anh T, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2020 tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của chị P, anh T thì chị P cho rằng trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ngoại tình, hay kiêu căng gây gổ và có hành vi bạo lực đối với chị P dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn quá lớn, vợ chồng không còn tình cảm và không thể giải quyết được nên chị P và anh T đã sống ly thân nhau nay chị P có nguyện vọng được ly hôn với anh T.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Anh Nguyễn Doãn Anh T và chị Nguyễn Thị Hồng P là vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị P phát sinh mâu thuẫn nên chị P đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh T đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị P và anh T xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị P xin ly hôn anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Doãn Anh K, sinh ngày 25/11/2020.

Về con chung thì chị P có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K đến tuổi trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án thì anh T đều vắng mặt và theo kết quả xác minh tại địa phương nơi anh T sinh sống thì xác định anh T thường hay vắng mặt tại địa phương do đi làm ăn xa nên không thể giao con chung cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng được. Xét thấy cháu K còn nhỏ sinh năm 2020 nên cần sự chăm sóc, nuôi

dưỡng của người mẹ và xét nguyện vọng của chị P nên cần giao cháu K cho chị P nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng P. Chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Doãn Anh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Doãn Anh K, sinh ngày 25/11/2020 cho chị Nguyễn Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Doãn Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Nguyễn Doãn Anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐST được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai số: 60AA/2021/0009791 ngày 08/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Nguyễn Doãn Anh T không phải chịu tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

